

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU TIẾNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1145/QĐ-UBND

Dầu Tiếng, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã Dầu Tiếng quý II năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 5304/STC-ĐP ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan công tác quyết toán ngân sách năm 2025;

Căn cứ Công văn số 7444/STC-ĐP ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 8857/STC-QLNS ngày 9 tháng 4 năm 2026 về triển khai các nội dung về công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;

Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị;

Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Quyết định số 2589/UBND-TP ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Dầu Tiếng về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách địa phương xã Dầu Tiếng năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Dầu Tiếng về việc điều chỉnh Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách địa phương xã Dầu Tiếng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 686/TTr-PKT ngày 14 tháng 07 năm 2026 về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Dầu Tiếng quý II năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Dầu Tiếng quý II năm 2026 theo đúng quy định. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng Kinh tế xã chịu trách nhiệm tổ chức niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã và trên hệ thống thông tin của xã theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Cơ quan khối Đảng, Đoàn thể; Cơ quan Phòng, Ban; Công an; Quân sự trực thuộc xã Dầu Tiếng và Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng, Trưởng phòng Kinh tế xã, các Cơ quan khối Đảng, Đoàn thể; Cơ quan Phòng, Ban; Công an; Quân sự và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách xã Dầu Tiếng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 5;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, Thu, pdf.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU TIẾNG

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	172.598.000.000	136.855.433.435	228.770.948.896	132,55%	
I	Thu nội địa	172.598.000.000	136.855.433.435	228.770.948.896	132,55%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	547.539.166.800	192.606.717.062	279.519.643.262	51,05%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.488.000.000	1.298.772.712	2.211.698.912	63,41%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.015.000.000	209.191.728	773.147.334	38,37%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	1.473.000.000	1.089.580.984	1.438.551.578	97,66%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	544.051.166.800	155.000.000.000	241.000.000.000	44,30%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	342.800.000.000	90.000.000.000	176.000.000.000	51,34%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	201.251.166.800	65.000.000.000	65.000.000.000	32,30%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		17.296.827.606	17.296.827.606		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		19.011.116.744	19.011.116.744		
C	TỔNG CHI NSDP					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	547.539.166.800	147.380.468.419	174.286.419.163	31,83%	
1	Chi đầu tư phát triển	84.084.000.000	3.213.599.130	3.213.599.130	3,82%	
2	Chi thường xuyên	450.935.166.800	144.166.869.289	171.072.820.033	37,94%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	12.520.000.000				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU TIẾNG

Mẫu biểu số 56.1

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	<u>TỔNG CHI NSDP</u>					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	547.539.166.800	147.380.468.419	174.286.419.163	31,83%	
I	Chi đầu tư phát triển	84.084.000.000	3.213.599.130	3.213.599.130		
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	84.084.000.000	3.213.599.130	3.213.599.130	3,82%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	450.935.166.800	144.166.869.289	171.072.820.033	37,94%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	216.061.000.000	62.548.698.672	71.703.761.477	33,19%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	12.520.000.000				
VIII	Chi CCTL, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU TIẾNG**

Mẫu biểu số 55

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	172.598.000.000	136.855.433.435	228.770.948.896	132,55%	
I	Thu nội địa	172.598.000.000	136.855.433.435	228.770.948.896	132,55%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		41.810.924.060	63.292.181.736		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		125.483.248	704.394.481		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	41.149.000.000	7.369.024.289	20.566.760.555	49,98%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	26.586.000.000	8.917.557.016	19.973.593.619	75,13%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	18.922.000.000	3.252.240.066	7.273.324.944	38,44%	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	13.961.000.000	2.257.791.431	5.520.179.365	39,54%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	79.211.000.000	73.161.006.834	113.640.952.655	143,47%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	37.000.000	109.838.856	134.456.120	363,39%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		62.627.098.062	62.826.586.499		
-	Thu tiền sử dụng đất	79.174.000.000	10.424.069.916	50.679.910.036	64,01%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					

11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	154.000.000	82.575.150	82.575.150	53,62%	
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	6.576.000.000	2.136.622.772	3.237.165.756	49,23%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	3.488.000.000	1.298.772.712	2.211.698.912	63,41%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	1.473.000.000	1.089.580.984	1.438.551.578	97,66%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.015.000.000	209.191.728	773.147.334	38,37%	

